

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: KINH TẾ NÔNG NGHIỆP

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
KT03040: KINH TẾ HỌC SẢN XUẤT (PRODUCTION ECONOMICS)

I. Thông tin về học phần

- Học kì: 7
- Tín chỉ: **Tổng số tín chỉ 2 (Lý thuyết: 2 – Thực hành: 0 - Tự học: 6)**
- Giờ tín chỉ đổi với các hoạt động học tập
 - + Học lý thuyết trên lớp: 22 tiết
 - + Thuyết trình và thảo luận trên lớp: 08 tiết
- Tự học: 90 tiết
- Đơn vị phụ trách:
 - Bộ môn: Phân tích định lượng
 - Khoa: Khoa Kinh tế và Phát triển nông thôn
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>		Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>
○ Ngôn ngữ giảng dạy: tiếng Anh <input type="checkbox"/>	○ Tiếng Việt <input checked="" type="checkbox"/>				

II. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo mà học phần đáp ứng

Chuẩn đầu ra của CTĐT Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể:	Chỉ báo của chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo
Kiến thức chuyên môn CDR2. Đánh giá các giải pháp phát triển kinh tế nông nghiệp dựa trên các yêu cầu về phát triển bền vững và sự hài hoà lợi ích của các bên liên quan	2.4. Đánh giá hiệu quả của các mô hình sản xuất kinh doanh, hoạt động phát triển kinh tế nông thôn
CDR3. Xây dựng các chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh nông nghiệp bền vững trong bối cảnh toàn cầu hóa.	3.1. Xây dựng quy trình, lựa chọn và áp dụng bộ công cụ phân tích (SWOT, PESTLE) để phục vụ cho việc xây dựng chiến lược phát triển SXKD nông nghiệp bền vững trong bối cảnh toàn cầu hóa.
Kỹ năng chung CDR4. Vận dụng tư duy phản biện, tư duy sáng tạo trong giải quyết các vấn đề của KTNN.	4.3. Vận dụng thành thạo kỹ năng giải quyết vấn đề bao gồm: (i) nhận biết vấn đề, (ii) nhận biết khi nào và bằng cách nào để thu thập thông tin, (iii) đánh giá và lựa chọn thông tin cần thiết cho việc giải quyết vấn đề.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	

Chuẩn đầu ra của CTĐT Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể:	Chỉ báo của chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo
CDR10. Thể hiện nhu cầu học tập suốt đời và tinh thần đổi mới.	10.1. Xác định rõ ràng các hạn chế của bản thân đối với kiến thức, năng lực cần có của cử nhân kinh tế nông nghiệp

III. Mục tiêu và kết quả học tập mong đợi của học phần

* **Mục tiêu:**

- Học phần nhằm cung cấp cho người học kiến thức về: các khái niệm, nguyên lý cơ bản về kinh tế học trong phát triển sản xuất nói chung, sản xuất nông nghiệp nói riêng và vận dụng được một số hàm sản xuất thông dụng trong ước lượng, phân tích hiệu quả sản xuất và hiệu quả kinh tế; Lập luận và giải quyết được các vấn đề nảy sinh, nghiên cứu và khám phá kiến thức về kinh tế học sản xuất trong nông nghiệp.
- Học phần rèn luyện cho người học kỹ năng về: Vận dụng được một số phần mềm phân tích kinh tế sản xuất cơ bản để ước lượng, phân tích một số dạng hàm sản xuất làm cơ sở cho việc ra quyết định tối ưu trong sản xuất.
- Học phần hình thành cho người học thái độ làm việc trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp và tính tự chủ trong nghiên cứu kinh tế, quản lý, kinh doanh, kế toán,... có trách nhiệm với hoạt động chung như thảo luận trên lớp và có ý thức tự giác cao trong tự nghiên cứu vận dụng môn học vào thực tiễn.

* **Kết quả học tập mong đợi của học phần:**

Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra sau đây của CTĐT theo mức độ sau:

I – Giới thiệu (Introduction); P – Thực hiện (Practice); R – Củng cố (Reinforce); M – Đạt được (Master)

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT			
		2.4	3.1	4.3	10.1
KT03040	Kinh tế học sản xuất	M	M	M	R

Ký hiệu	KQIHTMĐ của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được	CDR của CTDT				
Kiến thức						
K1	Đánh giá được việc sử dụng các yếu tố đầu vào của sản xuất và các loại chi phí sản xuất và lợi nhuận của doanh nghiệp và các loại rủi ro trong sản xuất.	2.4				
K2	Xây dựng mô hình hàm sản xuất để phân tích hiệu quả sử dụng các yếu tố đầu vào.		3.1			
Kỹ năng chung						
K3	Vận dụng thành thạo hàm sản xuất, hàm chi phí và hàm lợi nhuận để giúp người sản xuất đưa ra các quyết định đúng đắn			4.3		
Năng lực tự chủ và trách nhiệm						
K4	Xác định rõ ràng các hạn chế trong việc sử dụng các loại hàm để phân tích quá trình sản xuất				10.1	

III. Nội dung tóm tắt của học phần (Không quá 100 từ)

KT03040: Kinh tế học sản xuất (02: 02-0-06): Nội dung học phần gồm 04 chương nhằm trang bị những lý thuyết kinh tế học trong sản xuất, các hàm sản xuất thông dụng trong phân tích hiệu quả kinh tế, phân tích chi phí và lợi nhuận, ra quyết định trong điều kiện rủi ro và không chắc chắn.

IV. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

KQHTMD PPGD	K1	K2	K3	K4
Thuyết giảng -Trực tiếp -Trực tuyến qua MS Teams	x	x	x	x
Giảng dạy thông qua thảo luận nhóm		x		

2. Phương pháp học tập

- SV tiếp thu bài giảng trên cơ sở làm việc cá nhân;
- SV làm bài tập và thực hành trên cơ sở nhóm;
- Sử dụng Elearning, Ms Teams trong học tập trực tuyến

VI. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải dự học trên lớp tối thiểu 75% theo quy chế của Bộ GD&ĐT; Tham gia các buổi học trực tuyến: sinh viên phải mở webcam khi giáo viên yêu cầu, phải tham gia tương tác tất cả các hoạt động đào tạo. Cần chuẩn bị sẵn sàng thẻ sinh viên để diểm danh đầu giờ và ngẫu nhiên (nếu có).

- Chuẩn bị cho bài giảng: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải đọc giáo trình và tài liệu tham khảo trước khi đến lớp học theo yêu cầu của giảng viên. Nếu học trực tuyến phải online trước giờ học 2 phút.

- Kiểm tra giữa kỳ: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham dự buổi kiểm tra giữa kỳ, nội dung giới hạn kiến thức Chương 1,2. Vắng kiểm tra giữa kỳ sẽ bị cấm thi cuối kỳ.

- Thi cuối kỳ: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham dự buổi thi cuối kỳ, nội dung toàn bộ kiến thức đã học

VII. Dánh giá và cho điểm

1. Thang điểm: 10

2. Điểm trung bình của học phần là tổng điểm của các rubric nhân với trọng số tương ứng của từng rubric

3. Phương pháp đánh giá

Bảng 2. Ma trận đánh giá

Rubric đánh giá	K1	K2	K3	K4	Thời gian/ Tuần học
Dánh giá chuyên cần (10%)					
Rubric 1 – Dánh giá tham dự lớp				x	1-10
Dánh giá quá trình (30%)					
Bảng chỉ báo 3 – Thi giữa kỳ (100%)	x				10
Rubric 2 – Dánh giá bài tập nhóm (100%)		x	x		10
Dánh giá cuối kì					
Bảng chỉ báo 3 – Dánh giá thi cuối kì (60%)	x	x	x	x	

Rubric 1: Đánh giá tham dự lớp

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt (8,5-10d)	Khá (6,5-8,4d)	Trung bình (4-6,4d)	Kém (0-3,9d)
Thái độ tham dự	20	Luôn chú ý và tham gia các hoạt động trên lớp hoặc trực tuyến (dưa ra nhiều ý kiến, các câu trả lời có chất lượng)	Khá chú ý, có tham gia các hoạt động trên lớp hoặc trực tuyến (dưa ra nhiều ý kiến, một số câu trả lời có chất lượng)	Có chú ý, ít tham gia các hoạt động trên lớp hoặc trực tuyến (ít dưa ra ý kiến, câu trả lời)	Không chú ý, không tham gia các hoạt động trên lớp hoặc trực tuyến (không dưa ra ý kiến và câu trả lời)
Thời gian tham dự	80	Vắng một buổi học trên lớp hoặc trực tuyến trừ 0.5 điểm và phải tham dự học đủ số giờ theo quy định (bao gồm cả học trên lớp và học trực tuyến)			

Rubric 2: Đánh giá bài tập nhóm

Tiêu chí	Trọng số %	Tốt (8,5-10d)	Khá (6,5-8,4d)	Trung bình (4-6,4d)	Kém (0-3,9d)
Xây dựng được mô hình hàm sản xuất với nhiều đầu vào	60	Đầy đủ nội dung và Kết quả đúng	Đầy đủ $\frac{3}{4}$ nội dung và Kết quả có sai sót, ít ảnh hưởng	Đầy đủ $\frac{2}{4}$ nội dung và Kết quả sai sót ảnh hưởng nhiều (tùy mức độ: 1.0-0.5 d)	Nội dung không đầy đủ và Sai kết quả hoàn toàn do sai phương pháp (0d)
Đưa ra được các nhận xét về mức độ sử dụng các yếu tố đầu vào	40	Nhận xét đầy đủ về các yếu tố đầu vào, yếu tố nào có ý nghĩa, kiểm định và giải thích ý nghĩa, hàm có hiệu suất theo quy mô như thế nào	Nhận xét đầy đủ về các yếu tố đầu vào, yếu tố nào có ý nghĩa, kiểm định và giải thích ý nghĩa	Nhận xét đầy đủ về các yếu tố đầu vào, yếu tố nào có ý nghĩa và kiểm định	Không xác định được các yếu tố ảnh hưởng

Bảng 3. Chỉ báo thực hiện các kết quả học tập mong đợi của học phần (Cho thi cuối kỳ và giữa kỳ - Hình thức thi: Trắc nghiệm + tự luận)

KQHTMĐ	Chỉ báo thực hiện KQHTMĐ
K1	Chỉ báo 1: Đánh giá được việc sử dụng các yếu tố đầu vào với một đầu vào biến đổi và 2 đầu và biến đổi Chỉ báo 2: Đánh giá được chi phí trong ngắn hạn và dài hạn Chỉ báo 3: Đánh giá được lợi nhuận của người sản xuất và các loại rủi ro trong sản xuất
K2	Chỉ báo 4: Xây dựng được mô hình hàm sản xuất với nhiều đầu vào Chỉ báo 5: Đưa ra được các nhận xét về mức độ sử dụng các yếu tố đầu vào
K3	Chỉ báo 6: Phân tích được hàm sản xuất Chỉ báo 7: Phân tích được hàm chi phí Chỉ báo 8: Phân tích được hàm lợi nhuận
K4	Chỉ báo 9: Xác định được các loại hàm sản xuất sử dụng và ưu nhược điểm của các loại hàm sản xuất

4. Các yêu cầu, quy định đối với học phần

- Đến học đúng giờ; Online trước buổi học trực tuyến trước 2 phút.
- Nộp bài tập đầy đủ, trường hợp nộp bài tập chậm bị trừ 30% số điểm
- Tham dự thi cuối kì: Không tham gia thi cuối kì được điểm 0

VIII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

* **Sách giáo trình/Bài giảng: (Liệt kê ít nhất 1 giáo trình)**

Bài giảng powerpoint môn Kinh tế học sản xuất (Bộ môn PTDL, Khoa Kinh tế và PTNT)

* **Tài liệu tham khảo khác: (Liệt kê ít nhất 3 tài liệu tham khảo)**

1. Yoc, Charles E (2019). Principles of risk analysis : decision making under uncertainty, Boca Raton : CRC Press/Taylor & Francis Group Publisher
2. Đỗ Kim Chung (2020). Giáo trình kinh tế nông nghiệp. Nhà xuất bản Học viện Nông nghiệp, 2021

* **Tài liệu tham khảo khác:**

1. Mankiw, N. Gregory (2018). Principles of economics. Australia : Cengage Learning Publishers

* **Các nghiên cứu, kết quả nghiên cứu:**

1. Nguyễn Hữu Nhuần, Hoàng Hữu Thành & Đỗ Huy Hùng. (2021). Nghiên cứu chuỗi giá trị bí xanh, huyên Kỳ Sơn, tỉnh Hoà Bình. Tạp Chí Khoa Học Nông Nghiệp Việt Nam. 19(10): 1283–1292.
2. Nguyen Thi Ly, Nanseki, T. & Chomei, Y. (2016). Technical Efficiency and Its Determinants in Household Pig Production in Vietnam: A DEA Approach. Japanese Journal of Rural Economics.
3. Nguyen Thi Ly, Nanseki, T. & Chomei, Y. (2020). Are There Differences in Technical, Allocative, and Cost efficiencies Among Productin Scales?: The Case of Vietnamese Household Pig Production. Journal of Faculty of Agriculture Kyushu University. 65(2): 379–388.

IX. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung	KQHTMD của học phân
1	<p>Chương 1: Đối tượng, nội dung và phương pháp nghiên cứu môn học</p> <p>A/ Các nội dung chính trên lớp: (3 tiết)</p> <p>Nội dung GD lý thuyết (3 tiết):</p> <ul style="list-style-type: none"> 1.1. Một số vấn đề về kinh tế học, kinh tế học sản xuất 1.2. Đối tượng nghiên cứu 1.3. Nội dung nghiên cứu 1.4. Phương pháp nghiên cứu môn học <p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (9 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> 1.5. Tự học các nội dung liên quan đến chương 1 và chuẩn bị nội dung chương 2 	
2,3,4,5	<p>Chương 2: Phân tích sản xuất</p> <p>A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (14 tiết)</p> <p>Nội dung GD lý thuyết (9 tiết):</p> <ul style="list-style-type: none"> 2.1. Khái niệm hàm sản xuất 2.2. Ứng dụng của hàm sản xuất 2.3. Phân tích hàm sản xuất với một yếu tố đầu vào biến đổi 2.4. Phân tích hàm sản xuất với hai yếu tố đầu vào biến đổi 2.5. Một số hàm sản xuất phổ biến <p>Nội dung bài tập nhóm và thuyết trình: (5 tiết)</p> <p>Bài tập về xác định sản lượng tối đa và năng suất đầu vào tối đa</p> <p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (52 tiết)</p> <p>Chuẩn bị bài lý thuyết liên quan đến môn học và chuẩn bị bài tập chương 2</p>	K1, K2, K3, K4
5,6,7	<p>Chương 3: Phân tích chi phí sản xuất</p> <p>A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (5 tiết)</p> <p>Nội dung GD lý thuyết (4 tiết):</p> <ul style="list-style-type: none"> 3.1. Khái niệm chi phí 3.2. Phân loại chi phí 3.3. Phân tích chi phí trong ngắn hạn 3.4. Phân tích chi phí trong dài hạn 3.5 Hàm chi phí sản xuất và tối thiểu hóa chi phí sản xuất <p>Nội dung giảng dạy bài tập: (1 tiết)</p> <p>Bài tập xác định chi phí tối thiểu</p> <p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (15 tiết)</p> <p>Các nội dung lý thuyết liên quan đến chương 3 và chuẩn bị bài tập chương 3</p>	K1, K2, K3, K4
8,9	Chương 4: Phân tích lợi nhuận	

	<p>A/Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (4 tiết)</p> <p>Nội dung GD lý thuyết: (3 tiết)</p> <p>4.1. Những vấn đề chung về lợi nhuận 4.2. Tối đa hoá lợi nhuận 4.3. Định giá theo hướng lợi nhuận</p> <p>Nội dung giảng dạy bài tập trên lớp: (1 tiết)</p> <p>Bài tập xác định lợi nhuận tối đa</p>	K1, K3
	<p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (12 tiết)</p> <p>Các nội dung lý thuyết liên quan đến chương 4 và chuẩn bị bài tập chương 4</p>	K1, K3
	Chương 5: Ra quyết định trong môi trường rủi ro và không chắc chắn	
9,10	<p>A/Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (4 tiết)</p> <p>Nội dung GD lý thuyết: (3 tiết)</p> <p>5.1 Khái niệm rủi ro và không chắc chắn 5.2 Phân tích rủi ro và không chắc chắn 5.3 Thuyết thoả dụng và mức độ chấp nhận rủi ro 5.4 Quy trình và các biện pháp phòng tránh rủi ro và không chắc chắn</p> <p>Nội dung giảng dạy bài tập trên lớp: (1 tiết)</p> <p>Bài tập ra quyết định trong điều kiện rủi ro</p>	K1, K3
	<p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (12 tiết)</p> <p>Các nội dung lý thuyết liên quan đến chương 5 và chuẩn bị bài tập chương 5</p>	K1, K3

X. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện để tổ chức giảng dạy học phần như: giảng đường, projector và lớp học bô trí đủ và đảm bảo điều kiện tốt.
- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên như: tham gia học tập trên lớp, đảm bảo thời gian tự học tại và hoàn thành bài tập nhóm
- E-leaning: Máy tính và tài khoản đăng nhập thư viện

Hà Nội, ngày..... tháng năm 2022

TRƯỞNG BỘ MÔN
(Ký và ghi rõ họ tên)

GIÁNG VIÊN BIÊN SOẠN
(Ký và ghi rõ họ tên)

m
Đặng Văn Tài

TRƯỞNG KHOA
(Ký và ghi rõ họ tên)

LL
PGS.TS. Nguyễn Chí Minh Hiền

GIÁM ĐỐC
(Ký và ghi rõ họ tên)

7



PHÓ GIÁM ĐỐC
GS.TS. Phạm Văn Cường

Nguyễn Văn Nhuân

PHỤ LỤC
THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN GIÁNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Nguyễn Hữu Nhuần	Học hàm, học vị: TS
Địa chỉ cơ quan: Khoa KT &PTNT	Điện thoại liên hệ: (+84)- 62617590
Email: nguyennhuan1977@gmail.com	Trang web: http://www.vnua.edu.vn
Cách liên lạc với giảng viên: Gọi điện thoại trực tiếp hoặc qua email	

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Phạm Văn Hùng	Học hàm, học vị: PGS. TS
Địa chỉ cơ quan: Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ: (+84)- 62617590
Email: pvhung.hau@gmail.com	Trang web: http://www.vnua.edu.vn/khoa/ktptnt/
Cách liên lạc với giảng viên: Gọi điện thoại trực tiếp hoặc qua email	

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Nguyễn Thị Lý	Học hàm, học vị: TS
Địa chỉ cơ quan: Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ: (+84)- 62617590
Email: lynguyen.hua@gmail.com	Trang web: http://www.vnua.edu.vn/khoa/ktptnt/
Cách liên lạc với giảng viên: Gọi điện thoại trực tiếp hoặc qua email	

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Bùi Văn Quang	Học hàm, học vị: ThS
Địa chỉ cơ quan: Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ: (+84)- 62617590
Email: buivanquang.kt51a@gmail.com	Trang web: http://www.vnua.edu.vn/khoa/ktptnt/
Cách liên lạc với giảng viên: Gọi điện thoại trực tiếp hoặc qua email	

BẢNG TÓM TẮT TƯƠNG THÍCH GIỮA KQHTMĐ, DẠY- HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ

KQHTMĐ	K1	K2	K3	K4
DẠY VÀ HỌC				
Thuyết trình	x	x	x	x
Làm việc nhóm		x		
ĐÁNH GIÁ				
Rubric 1	x	x		
Rubric 2		x	x	
Bảng chỉ báo -	x	x	x	x

CÁC LẦN CẢI TIẾN ĐỀ CƯƠNG:

Lần 1: 7/2018: Rà soát nội dung học phần

Lần 2: 7/2019: Bổ sung phương pháp giảng dạy online qua phần mềm MS Teams

Lần 3: 7/2021: Cập nhật tài liệu tham khảo:

1. Yoe, Charles E (2019). Principles of risk analysis : decision making under uncertainty, Boca Raton : CRC Press/Taylor & Francis Group Publisher
2. Đỗ Kim Chung (2020). Giáo trình kinh tế nông nghiệp. Nhà xuất bản Học viện Nông nghiệp, 2021.